

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;  
Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;  
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;  
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;  
Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;  
Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuế đất, thuê mặt nước;  
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;  
Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;  
Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;  
Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Công văn số 2248/TCT-CNTT ngày 06/6/2018 của Tổng cục Thuế về việc triển khai kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và cơ quan Tài nguyên Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy trình liên thông luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Xét đề nghị của Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 288/TTr-CT ngày 27/02/2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- TT TU, TT HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP (Đ/c Tuấn, Đ/c Dũng);
- Lưu: VT, Minh, Khởi, Lan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lý Thái Hải**



## QUY CHẾ PHỐI HỢP

Trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 336 /QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định trình tự, phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai trong việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người sử dụng đất*: Là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng khác được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của Pháp luật.

2. *Chữ ký số*: Là một dạng chữ ký điện tử được chứng thực bởi một tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử theo Luật giao dịch điện tử.

3. *Dữ liệu đất đai*: Là thông tin đất đai dưới dạng số được thể hiện bằng hình thức ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

4. *Cơ sở dữ liệu đất đai*: Là tập hợp có cấu trúc các dữ liệu đất đai được lưu trữ trên máy tính và các thiết bị lưu trữ thông tin thứ cấp dùng để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thường xuyên thông qua phương tiện điện tử.

5. *Phiếu chuyển thuế điện tử*: Là nội dung dữ liệu trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai lưu trữ dưới định dạng XML có gắn chữ ký số dùng để trao đổi giữa Phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin đất đai và Phần mềm ứng dụng quản lý các Khoản thu liên quan đến đất.

6. *Cơ quan Đăng ký đất đai*: Gồm Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố.

7. *Cơ quan Thuế*: Gồm Cục Thuế tỉnh và Chi cục Thuế các huyện, thành phố.

#### Điều 3. Nguyên tắc, hình thức phối hợp

##### 1. Nguyên tắc phối hợp

Được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham gia phối hợp và những quy định của pháp luật có liên quan.

Dựa trên nguyên tắc sử dụng chữ ký số trong quá trình trao đổi thông tin giữa các bên. Dữ liệu trao đổi thông tin gắn chữ ký số có tính pháp lý tương đương như con dấu và chữ ký của các bên trong quá trình thực hiện. Khi thay đổi chữ ký số hai bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản.

## **2. Hình thức phối hợp**

Thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện thông qua hình thức luân chuyển thông tin bằng dữ liệu điện tử, tập tin điện tử có gắn chữ ký số:

- Dữ liệu điện tử có gắn chữ ký số để luân chuyển thông tin trao đổi được thực hiện thông qua Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này) và Thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quy chế này).

- Tập tin điện tử (bao gồm tập tin bản quét hoặc chụp được lưu trữ dưới định dạng PDF) có gắn chữ ký số được thực hiện trong trường hợp cần thiết để bổ sung, làm rõ thêm thông tin cần trao đổi.

Trường hợp do hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin hoặc do chưa xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng mà không thể trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính thì hai Cơ quan có thể trao đổi thông tin với nhau bằng hồ sơ giấy theo quy định hiện hành.

## **Điều 4. Nội dung phối hợp**

Phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất là cá nhân, hộ gia đình theo hình thức điện tử đối với các trường hợp sau:

1. Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

2. Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

3. Trường hợp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (kể cả trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất hoặc trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất);

4. Trường hợp được Nhà nước cho thuê mặt nước;

5. Trường hợp thực hiện biến động về đất đai (thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác nếu có).

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Các hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai**

Cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai đảm bảo thông tin trao đổi đầy đủ theo quy định ứng với từng trường hợp hồ sơ cụ thể.

### **Điều 6. Trình tự trao đổi thông tin**

#### **1. Tiếp nhận hồ sơ**

Cơ quan Đăng ký đất đai thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ hồ sơ của người sử dụng đất. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ tiến hành nhập đầy đủ các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính vào ứng dụng quản lý tại đơn vị.

- Truyền Phiếu chuyển thuế điện tử có chữ ký số sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

## **2. Xác định nghĩa vụ tài chính**

Cơ quan Thuế thực hiện:

- Nhận Phiếu chuyển thuế điện tử từ cơ quan Đăng ký đất đai (đối với các trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật).

- Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thuế điện tử:

+ Trường hợp trên Phiếu chuyển thuế điện tử có đầy đủ thông tin hoặc đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì đồng thời gửi xác nhận đủ cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính sang cơ quan Đăng ký đất đai và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính.

+ Trường hợp trên Phiếu chuyển thuế điện tử thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì chuyển đề nghị sang cơ quan Đăng ký đất đai để đề nghị cung cấp, bổ sung thêm thông tin.

+ Cơ quan Thuế xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, đảm bảo thời hạn theo quy định hiện hành (kể từ ngày nhận đủ thông tin xác định nghĩa vụ tài chính từ cơ quan Đăng ký đất đai).

+ Thời gian tối đa cho việc kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thuế điện tử là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thuế điện tử từ cơ quan Đăng ký đất đai.

- Trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt thông báo nghĩa vụ tài chính.

- Gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính (có chữ ký số của Lãnh đạo cơ quan Thuế) sang cơ quan Đăng ký đất đai.

- Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin ngành Thuế.

## **3. In thông báo trả người sử dụng đất**

Cơ quan Đăng ký đất đai thực hiện:

- Nhận dữ liệu thông báo nghĩa vụ tài chính từ cơ quan Thuế mà người sử dụng đất phải thực hiện.

- In thông báo có chữ ký số của cơ quan Thuế, đóng dấu treo của cơ quan Đăng ký đất đai trả người sử dụng đất (khi có trao đổi thông tin thông báo thuế giữa cơ quan Thuế và Kho bạc thì cơ quan Đăng ký đất đai không cần thực hiện việc in thông báo).

- Truyền dữ liệu ngày trả thông báo thuế cho người sử dụng đất sang cơ quan Thuế thông qua hình thức điện tử để làm căn cứ xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ tài chính.

## **4. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính**

Cơ quan Thuế thực hiện:

- Nhận dữ liệu chứng từ nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước bằng hình thức điện tử và xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.



- Lãnh đạo Chi cục Thuế duyệt thông tin hoàn thành nghĩa vụ tài chính và truyền dữ liệu sang cơ quan Đăng ký đất đai.

- Công khai thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Ngành Thuế.

Cơ quan Đăng ký đất đai thực hiện:

- Nhận thông tin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính từ cơ quan Thuế để làm cơ sở báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- Lưu Thông báo về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai vào hồ sơ của người sử dụng đất.

- Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu đất đai.

#### **Điều 7. Xử lý các sai sót dữ liệu**

Trường hợp dữ liệu truyền nhận giữa hai cơ quan có sai sót, cơ quan bên nhận phản hồi bằng điện tử hoặc thông báo bằng văn bản tới cơ quan truyền dữ liệu để yêu cầu kiểm tra và truyền lại thông tin.

Trường hợp nội dung thông tin trên Phiếu chuyển thuế điện tử do cơ quan Đăng ký đất đai gửi sang bị sai dẫn đến thông báo nghĩa vụ tài chính sai, cơ quan Đăng ký đất đai gửi thông báo điện tử hoặc thông báo tới cơ quan Thuế về việc có sai sót trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính, thực hiện điều chỉnh thông tin trên Phiếu chuyển thuế điện tử, truyền lại thông tin sang cơ quan Thuế theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này (các thông tin về Phiếu chuyển thuế điện tử trước đây phải được lưu lại để phục vụ công tác quản lý).

Trường hợp sai sót thuộc về cơ quan Thuế dẫn tới việc xác định nghĩa vụ tài chính và phát hành thông báo thuế sai, cơ quan Thuế gửi thông báo bằng hình thức điện tử hoặc thông báo bằng bản giấy tới cơ quan Đăng ký đất đai về việc có sai sót trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, xác định lại nghĩa vụ tài chính, gửi lại thông báo thuế cho cơ quan Đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này (các thông tin về thông báo thuế trước đây phải lưu trữ để phục vụ công tác quản lý).

#### **Điều 8. Đối chiếu số liệu giữa hai cơ quan**

Trước ngày 05 hàng tháng, hai cơ quan thực hiện tổng hợp tình hình hồ sơ đã gửi bằng hình thức điện tử của tháng trước theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 và gửi thông tin để thực hiện đối chiếu dữ liệu.

Trước ngày 10 hàng tháng, hai cơ quan thực hiện đối chiếu với số liệu của tháng trước. Trường hợp sai lệch, hai cơ quan cùng rà soát để xác định nguyên nhân và điều chỉnh.

Hàng năm, trước ngày 30 tháng 01, cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai tổng hợp tình hình giải quyết hồ sơ của năm trước để đối chiếu và Điều chỉnh trong trường hợp có sai lệch số liệu.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

Định kỳ 6 tháng hàng năm, các địa phương phải tổng kết báo cáo khó khăn vướng mắc về Cục Thuế tỉnh và Sở Tài nguyên và môi trường để rà soát, trao đổi kinh nghiệm, khắc phục và chỉnh sửa bổ sung nhằm thực hiện theo Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan và Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 01/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị trực tiếp thực hiện cùng trao đổi khắc phục. Trường hợp không giải quyết được, các đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất và báo cáo Tổng cục Thuế, Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC 01**  
**THÔNG TIN PHIẾU CHUYỂN TƯƠNG ỨNG VỚI HỒ SƠ**

STT	Loại hồ sơ	Các giấy tờ cần thiết	Thông tin cần thiết trên phiếu chuyển	Cách xác định thông tin đưa vào phiếu chuyển	Yêu cầu khác
1	Hợp thức hóa nhà (cấp giấy chứng nhận)				
		- Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSĐĐƠ đối với trường hợp ghi nợ trước 01/07/2014 hoặc được cấp giấy chứng nhận trước 01/01/2015.	- Họ và tên (bao gồm cả tên người đồng sở hữu)	Trên quyết định chuyển MĐSD hoặc đơn xin cấp giấy chứng nhận	
		- Giấy tờ hợp lệ Phần đất nông nghiệp (đối với trường hợp tiền sử dụng đất cấp theo Điều 57 Luật đất đai năm 2013) hoặc đất ở (đối với trường hợp cấp giấy theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013)	- Ngày tháng năm sinh - Số CMTND - Ngày cấp - Nơi cấp	Trên CMTND	
			- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền	Trên quyết định chuyển MĐSD, CMTND, đơn xin cấp giấy chứng nhận	
			- SĐT (Nếu có)	Trên đơn xin cấp giấy chứng nhận	
		- Tờ khai thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo mẫu quy định ban hành kèm thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 05/11/2013	- Số thửa	Trên quyết định chuyển MĐSD (trường hợp có quyết định chuyển MĐSD)	
			- Số tờ	Trên quyết định chuyển MĐSD (trường hợp có quyết định chuyển	



		- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp Luật (Quyết định giảm tiền sử dụng đất đối với người có công,...)	MĐSD)	
			- Địa chỉ nhà đất	Trên quyết định chuyển MĐSD (trường hợp có quyết định chuyển MĐSD) hoặc đơn xin cấp giấy chứng nhận
		- Đơn xin ghi nợ (Nếu có) - Quyết định chuyển Mục đích sử dụng đất (nếu có)	- Tên đường (có trong bảng giá)	Theo xác nhận của UBND phường trên đơn xin cấp giấy chứng nhận
			- Đoạn đường	Theo xác nhận của UBND phường trên đơn xin cấp giấy chứng nhận
			- Vị trí đất ở	Theo xác nhận của UBND phường trên đơn xin cấp giấy chứng nhận
			- Độ sâu tính từ mép trong lề đường của mặt tiền đường	Theo xác nhận của UBND phường trên đơn xin cấp giấy chứng nhận
			- Loại hẻm	Theo xác nhận của UBND phường trên đơn xin cấp giấy chứng nhận
			- Mục đích sử dụng đất	Trên xác nhận của UBND phường kèm theo đơn đăng ký cấp giấy của NSDD
			- Thời gian sử dụng đất	Trên xác nhận của UBND phường kèm theo đơn đăng ký cấp giấy của NSDD
			- Diện tích đất	Trên quyết định chuyển MĐSD

			(trường hợp có quyết định chuyển MĐSD)
		- Diện tích trong hạn mức	Dựa vào cam kết của NSDD, hạn mức cho phép tại địa bàn
		- Diện tích ngoài hạn mức	Dựa vào cam kết của NSDD, hạn mức cho phép tại địa bàn
		- Loại đất trước CMĐ	Trên xác nhận của UBND phường kèm theo đơn đăng ký cấp giấy của NSDD
		- Vị trí đất trước CMĐ	Trên xác nhận của UBND phường kèm theo đơn đăng ký cấp giấy của NSDD
		- Nguồn gốc đất	Theo xác nhận của UBND phường/xã kèm theo đơn xin cấp GCN của NSDD
		- Cấp nhà	
		- Kết cấu nhà	
		- Diện tích nhà	
		- Năm hoàn công, bắt đầu sử dụng nhà	Theo xác nhận của UBND phường/xã kèm theo đơn xin cấp GCN của NSDD
		- Diện tích đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính + thời điểm hoàn thành	Diện tích trên GCN cũ, trên thông báo nộp NVTC

			nghĩa vụ tài chính		
			- Diện tích nhà đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính + thời điểm hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Diện tích trên GCN cũ, trên thông báo nộp NVTC hoặc giấy nộp tiền	
			- Điều Khoản thu tiền sử dụng đất	Điều Khoản cấp giấy chứng nhận	Đối với trường hợp có nhiều Điều Khoản thu tiền sử dụng đất thì ghi rõ diện tích tương ứng với từng loại Điều Khoản
			- Số quyết định CMD	Trên quyết định chuyển MĐSD	
			- Ngày ra quyết định CMD	Trên quyết định chuyển MĐSD	
			- Đăng ký ghi nợ NVTC	Theo đơn xin ghi nợ của NSDD	
			- Ngày xin ghi nợ NVTC	Theo ngày cập nhật trên GCN, cho phép ghi nợ của UBND quận/huyện	
2	.....				
	.....	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	.....

**PHỤ LỤC 02**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ  
MÔI TRƯỜNG ...  
VPĐKĐĐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../PCTTĐC

....., ngày .... tháng ... năm ...

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ  
TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: .....

<b>I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, MẶT NƯỚC, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT</b>
1.1. Tên <sup>(1)</sup> : .....
1.2. Địa chỉ <sup>(2)</sup> : .....
1.3. Số điện thoại liên hệ: ..... Email (nếu có): .....
1.4. Mã số thuế (nếu có): .....
1.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân <sup>(3)</sup> : Số .....; ngày cấp: ..... nơi cấp .....
1.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính <sup>(4)</sup> : .....
<b>II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT</b>
<b>2.1. Thông tin về đất</b>
2.1.1. Thửa đất số: .....; Tờ bản đồ số: .....
2.1.2. Địa chỉ tại <sup>(5)</sup> : .....
2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: - Đường/đoạn đường/khu vực: .....
- Vị trí thửa đất <sup>(6)</sup> : .....
- Chiều sâu của thửa đất (nếu có): .....m.
- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có): .....m.
2.1.4. Diện tích thửa đất: ..... m <sup>2</sup> - Diện tích sử dụng chung: ..... m <sup>2</sup> - Diện tích sử dụng riêng: ..... m <sup>2</sup> - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: .....m <sup>2</sup> - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất): ..... m <sup>2</sup> - Diện tích đất trong hạn mức: ..... m <sup>2</sup> - Diện tích đất ngoài hạn mức: ..... m <sup>2</sup> - Diện tích chuyển Mục đích sử dụng đất: .....m <sup>2</sup>
2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: .....
2.1.6. Mục đích sử dụng đất <sup>(7)</sup> : .....
Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển Mục đích: .....
2.1.7. Thời hạn sử dụng đất: .....

- Ôn định lâu dài

- Có thời hạn: .....năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày: ...../...../.....

- Gia hạn .....năm. Từ ngày ...../...../..... đến ngày: ...../...../.....

2.1.8. Thời Điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: ...../...../.....;

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất<sup>(8)</sup>:

- Hình thức đang sử dụng: .....

- Hình thức sau khi chuyển: .....

2.1.10. Giá đất:

- Giá đất cụ thể<sup>(9)</sup>: .....

- Giá trúng đấu giá: .....

- Giá đất trước khi chuyển Mục đích sử dụng đất<sup>(10)</sup>: .....

2.1.11. Giấy tờ về quyền sử dụng đất<sup>(11)</sup>: .....

**2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác**

2.2.1. Loại nhà ở, công trình: .....; cấp hạng nhà ở, công trình: .....

2.2.2. Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>;

2.2.3. Diện tích sàn xây dựng: .....m<sup>2</sup>;

2.2.4. Diện tích sở hữu chung: .....m<sup>2</sup>; Diện tích sở hữu riêng: .....m<sup>2</sup>;

2.2.5. Kết cấu: .....; Số tầng nổi: .....; Số tầng hầm: .....

2.2.5. Nguồn gốc: .....

2.2.6. Năm hoàn công: .....năm.

2.2.7. Thời hạn sở hữu đến: ..... năm.

**III. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC, THUÊ MẶT NƯỚC**

**3.1. Đối với thuê đất xây dựng công trình ngầm**

- Diện tích thuê đất xây dựng công trình ngầm: ..... m<sup>2</sup>;

- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất xây dựng công trình ngầm<sup>(12)</sup>: .....

**3.2. Đối với thuê đất có mặt nước**

- Diện tích đất: .....m<sup>2</sup>;

- Diện tích mặt nước: .....m<sup>2</sup>;

- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất<sup>(13)</sup>: .....

**3.3. Đối với thuê mặt nước**

a) Vị trí mặt nước:

b) Diện tích mặt nước thuê: .....m<sup>2</sup>;

c) Mục đích sử dụng mặt nước: .....m<sup>2</sup>;

d) Thời hạn thuê mặt nước: .....năm. Từ ngày ..... đến ngày: .....

đ) Hình thức thuê mặt nước: Trả tiền thuê hàng năm  Trả tiền thuê một lần

**IV. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT (nếu có)**

**4.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động)**

4.1.1. Loại biến động: .....
4.1.2. Loại tài sản biến động: .....
<b>4.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)</b>
- Đối tượng ghi nợ: .....
- Loại nghĩa vụ được ghi nợ: .....
<b>4.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính</b>
- Đối tượng miễn, giảm: .....
- Loại nghĩa vụ được miễn, giảm: .....
<b>4.4. Các Khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp</b>
Tên của Khoản được trừ: .....
<b>V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO<sup>(14)</sup></b>
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



**PHỤ LỤC 03**  
**THÔNG BÁO XÁC NHẬN HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ**  
**TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

**THÔNG BÁO**  
**Về việc xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai**

Căn cứ số liệu về nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai phải nộp của hộ gia đình, cá nhân do cơ quan thuế đang theo dõi, quản lý trên sổ theo dõi tình hình thu nộp tiền sử dụng đất, các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến đất đai và tình hình thanh toán nợ của người sử dụng đất.

(1) Cục Thuế/ Chi cục Thuế <Tên cơ quan thuế> xác nhận:<tên người sử dụng đất>:

Địa chỉ liên hệ: \_\_\_\_\_, số điện thoại: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai tại Cục Thuế/ Chi cục Thuế <Tên cơ quan thuế> đến ngày ..... tháng ..... năm .....

Hoặc:

(2) Cơ quan thuế không xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế theo yêu cầu của người sử dụng đất do số liệu của người sử dụng đất không khớp đúng với số liệu cơ quan thuế đang quản lý. Đề nghị người sử dụng đất liên hệ với cơ quan thuế để đối chiếu số liệu trước khi xác nhận.

Người sử dụng đất cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: Tên cơ quan thuế, bộ phận phòng, ban có thể liên hệ

Địa chỉ: số nhà, đường phố...

Số điện thoại: E-mail:

Cơ quan thuế thông báo đề Văn phòng/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và người sử dụng đất biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Tên, địa chỉ của người sử dụng đất;
- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường nơi có đất;
- Tên các bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT; KK&KTT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**  
**HOẶC TUQ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*